

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

*(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Chiến Thắng

2. Địa chỉ: Thôn Mông Thượng, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225 3879 792; 0399426926

Gmail: mnchienthang@anlao.edu.vn

Website: <https://mnchienthang.haiphong.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường MN Công Lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a. Sứ mạng: “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em”. Trường MN Chiến Thắng là địa chỉ tin cậy để phụ huynh tin tưởng, yên tâm gửi các con vào trường. Mỗi phụ huynh có con em là học sinh của trường đều hài lòng với môi trường học tập, vui chơi, chăm sóc, nuôi dưỡng ở đây và gửi gắm trọn niềm tin yêu đối với nhà trường.

b. Tầm nhìn: Xây dựng trường MN Chiến Thắng hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp yêu cầu đổi mới của địa phương Tiếp tục duy trì, nâng chất lượng phổ cập giáo dục mầm cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

c. Mục tiêu: Xây dựng nhà trường đạt chuẩn nâng cao việc chăm sóc giáo dục trẻ Khuyến khích trẻ có khả năng tư duy độc lập phát triển về kiến thức một cách toàn diện.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 144/QĐ/UB ngày 27/02/1980 của UBND huyện An Thụy; Năm 1998 được UBND huyện An Lão ra Quyết định thành lập trường MN dân lập (trường mầm non xã Chiến Thắng huyện An Lão); Được đổi tên trường theo Quyết định số 102/2008/QĐ-UBND ngày 22/01/2008. Quyết định về việc chuyển đổi Trường Mầm Non bán công sang trường công lập theo Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND thành phố Hải Phòng.

Trường đạt chuẩn QG mức độ 1 số 1740 ngày 22/8/2016 và kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 theo QĐ số 884/QĐ-UBND ngày 03/11/2017.

Nhà trường có đội ngũ CBGV,NV đầy đủ về số lượng và chất lượng, tư cách đạo đức tốt, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong công tác quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng văn bản chỉ đạo cấp trên, xây dựng kế hoạch chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho CBGV,NV. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sư phạm

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện qui chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách của GV.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CBGV,NV.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Họ và tên: Đặng Thị Nguyệt

Chức vụ: Bí Thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Chiến Thắng - Thôn Mông Thượng, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0399426926

Gmail: mnchienthang@anlao.edu.vn

Website: <https://mnchienthang.haiphong.edu.vn/>

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 144/QĐ/UB ngày 27/02/1980 của UBND huyện An Thụy; Năm 1998 được UBND huyện An Lão ra Quyết định thành lập trường MN dân lập (trường mầm non xã Chiến Thắng huyện An Lão); Được đổi tên trường theo Quyết định số 102/2008/QĐ-UBND ngày 22/01/2008. Quyết định về việc chuyển đổi Trường Mầm Non bán công sang trường công lập theo Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND thành phố Hải Phòng.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường Danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 5902/QĐ- UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy Ban Nhân dân huyện An Lão về việc Về việc Kien

toàn Hội đồng trường các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học sơ sở công lập trên địa bàn huyện nhiệm kỳ 2021 - 2025; Quyết định số 6346/QĐ- UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy Ban Nhân dân huyện An Lão về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn huyện An Lão - Nhiệm kỳ 2021-2025.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH TRONG HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
1	Bà Đặng Thị nguyệt	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Nghiêm Thị Ngân	Phó Bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng - Chủ tịch công đoàn	Ủy viên Hội đồng
3	Ông Phạm Văn Tuấn	Phó chủ tịch UBND xã Chiến Thắng	PCT Hội đồng
4	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Hiệu trưởng	Thư ký - Hội đồng
5	Bà Đỗ Hải Yến	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng
6	Bà Trịnh Thị Nhung	Tổ trưởng chuyên môn khối 5 tuổi	Ủy viên Hội đồng
7	Bà Đào Thị Lan	Tổ trưởng chuyên môn khối 4 tuổi	Ủy viên Hội đồng
8	Bà Phạm Thị Sen	Tổ trưởng chuyên môn khối 3 tuổi	Ủy viên Hội đồng
9	Bà Nguyễn Thị Hôi	Tổ trưởng chuyên môn khối Nhà trẻ	Ủy viên Hội đồng
10	Bà Đàm Thị Thơm	Tổ trưởng Tổ văn phòng - Kế toán	Ủy viên Hội đồng
11	Bà Hoàng Thị Giang	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên Hội đồng
12	Nguyễn Thị Yến Hoa	Tổ trưởng tổ nuôi	Ủy viên Hội đồng
13	Bà Lê Thị Mai	Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Ủy viên Hội đồng

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định số 4585/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND huyện An Lão huyện về việc điều động CBQL với bà Đặng Thị Nguyệt - Hiệu trưởng trường MN Tân Viên đến nhận công tác tại trường Mầm non Chiến Thắng và giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non Chiến Thắng kể từ ngày 01/8/2024.
- Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND huyện An Lão huyện về việc điều động CBQL với bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Phó hiệu trưởng trường MN An Thái đến nhận công tác tại trường Mầm non Chiến Thắng và giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Mầm non Chiến Thắng kể từ ngày 01/8/2023.
- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của UBND huyện An Lão huyện về việc Bổ nhiệm lại CBQL đối với Bà Nghiêm Thị Ngân – Phó hiệu trưởng trường MN Chiến Thắng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của CSGD; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị**

+ Chức năng:

- Trường Mầm non là cơ sở giáo dục mầm non của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Trường chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND huyện An Lão. Đồng thời trường chịu sự quản lý của phòng GD-ĐT huyện về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của luật giáo dục và điều lệ trường Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Nhiệm vụ:

Trường mầm non có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

2. Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

4. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

5. Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

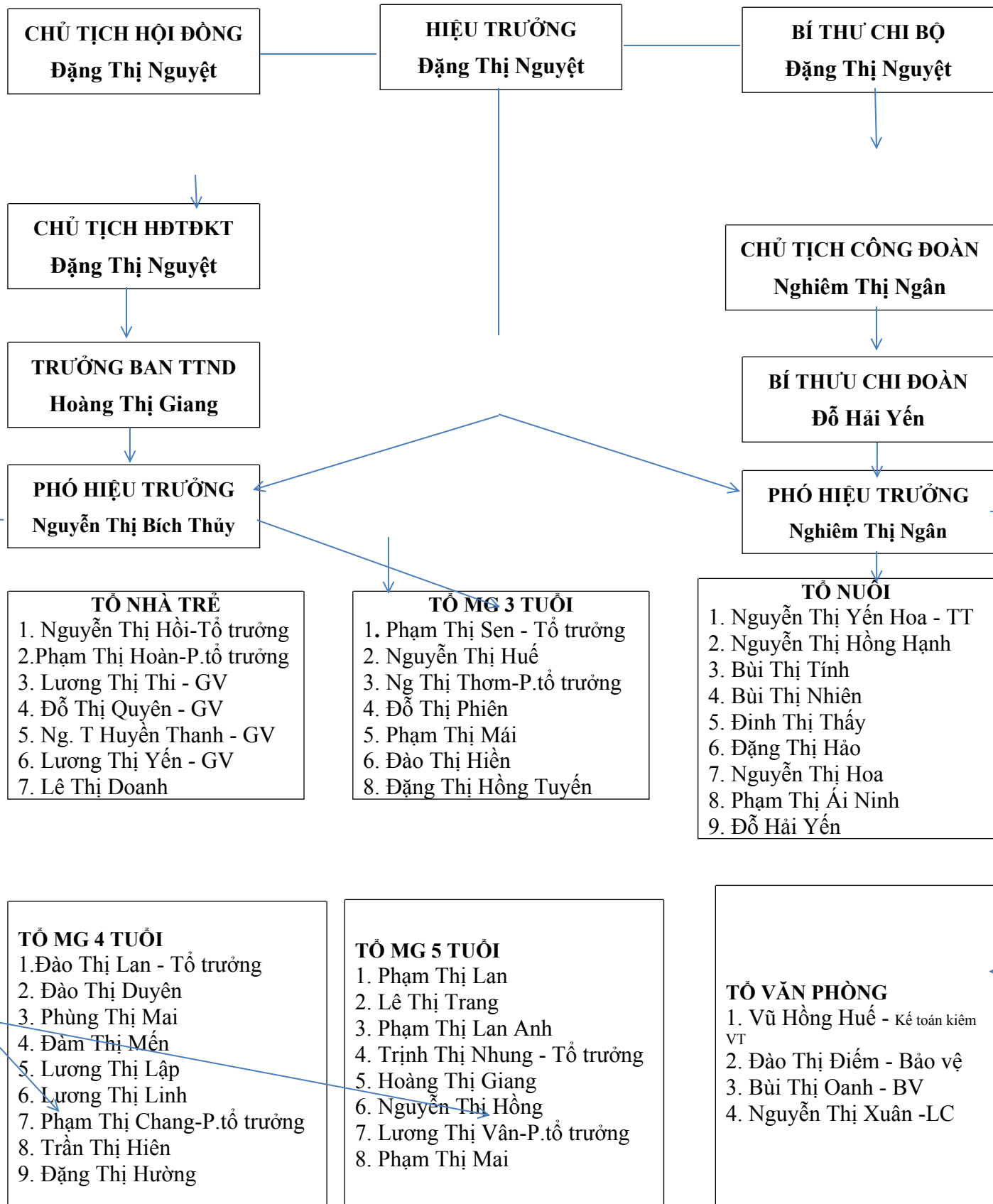
6. Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

7. Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

8. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

9. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**



e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

Họ và tên: Đặng Thị Nguyệt

Chức vụ: Bí Thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Chiến Thắng - Thôn Mông Thượng, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0399426926

Gmail: mnchienthang@anlao.edu.vn

Website: <https://mnchienthang.haiphong.edu.vn/>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			Thạc sĩ	ĐH	CĐ	TC	Sơ cấp
Tổng số CNGV,NV		47					
I.	Cán bộ quản lý	3	1	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2		2	0	0	0
II.	Giáo viên	31		28	3	0	0
1	Nhà trẻ	7		5	2	0	0
2	Mẫu giáo	24		23	1	0	0
III.	Nhân viên	13		1	3	6	0
1	Nhân viên kế toán	1		1	0	0	0
2	Nhân viên nuôi dưỡng	9		0	3	6	0
3	Bảo vệ	2		0	0	0	0
4	Lao công	1		0	0	0	0

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025
1	Cán bộ quản lý	3
	Số lượng	3
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	31
	Số lượng	31

	Tỷ lệ	100%
--	-------	------

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025
1	Cán bộ quản lý	3
	Số lượng	3
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	31
	Số lượng	31
	Tỷ lệ	100
3	Nhân viên	13
	Số lượng	13
	Tỷ lệ	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	-
II	Loại phòng học	14	-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4113	11m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2207	6m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1417,7	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1072	2.85m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	141	0,37m ² /trẻ
4	Diện tích sân chơi (m ²)	596	1.58m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	40	0
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	115	0.30m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1337	96 bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	1337	96 bộ/nhóm (lớp)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
	hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	84	6 bộ/ nhóm (lớp)
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	7	7 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	15	1 bộ/ lớp
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	16 cái	14/14
2	Đầu đĩa	0	0
3	Âm ly 1 cái	1 cái	0
	Loa, mic	01 bộ	0
4	Loa kéo	1 cái	1/14

XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số lượng(m ²)	
			Dùng cho học sinh	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	8.0m ²	141	70.5/70.5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá:

Trường MN Chiến Thắng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

- Trường đã được đánh giá ngoài cấp độ 3. (Tháng 11 năm 2017)

- Được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ I (Tháng 8 năm 2016)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kế hoạch của nhà trường trong năm học 2025-2026

STT	NỘI DUNG			NHÀ TRẺ			MẪU GIÁO		
I. Chỉ tiêu tuyển sinh		Toàn trường		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25 - 36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5 -6 tuổi
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ %						
1	Tổng số trẻ	372	100	0	0	75	80	100	117
2	Trẻ học nhóm lớp	14	100			3	3	4	4
3	Trẻ học 2 buổi trên ngày	375	100	0	0	75	80	100	117
4	Trẻ khuyết tật học hòa nhập	0							
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.			100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN do Bộ GD quy định			100% trẻ được GD theo chương trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiến Steam (đối với 02 lớp 4TB3 và 5TA2)		
III	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được								
1	Chất lượng nuôi trẻ			- Đảm bảo tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường đạt 100%. - Thực hiện mức thu phục vụ ăn bán trú là 30.000đ/trẻ/ngày. Trẻ ăn 03 bữa/ ngày, 2 bữa chính, 1 bữa phụ.. - Trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi đạt 100%.			- Đảm bảo tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường đạt 100%. - Thực hiện mức thu phục vụ ăn bán trú là 30.000đ/trẻ/ngày. Trẻ ăn 03 bữa/ ngày, 1 bữa chính, 2 bữa phụ.. - Trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi đạt 100%.		
2	Chất lượng chăm sóc, đảm bảo an toàn cho trẻ.			Đảm bảo 100%			Đảm bảo 100%		
3	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển			98 %			98 %		
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở			Đảm bảo 100%			Đảm bảo 100%		

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Kết quả thực tế cuối năm học							
		Toàn trường		ĐGMB đạt được so với dự kiến đầu năm học	Trong đó chia ra				
		Kết quả đạt được			Nhà trẻ			Mẫu giáo	
		Số lượn g trẻ	Đạt tỷ lệ %		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25 - 36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi

1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ		387	103.2	103.2	0	0	80	83	115	109
		Trẻ học nhóm lớp		14	100	100%			3	3	4	4
		Trẻ học 2 buổi trên ngày		387	100	100%	0	0	80	83	115	109
		Trẻ khuyết tật học hòa Nhập		0								
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ tổ chức được ăn bán trú		387	100	100%	0	0	80	83	115	109
		Trẻ được cung cấp chế độ khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị		387	100	100%			600 - 651Kcalo/trẻ/ngày	630 - 726Kcalo/trẻ/ngày.		
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe an toàn cho trẻ	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ cân nặng bình thường	387	100	100%			80	83	115	109
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0			0	0	0	0	
			Trẻ có chiều cao bình thường	385	99.5			80	83	114	108	
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2	0.5			0	0	1	1	
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	0	0			0	0	0	0	
			Trẻ Thừa cân	1	0.5			0	0	0	1	
			Trẻ béo phì	1	0.5			0	0	1	0	
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể và tinh thần		387	100			80	83	115	109	
		Trẻ đi học chuyên cần		387	100			80	83	115	109	
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Đánh giá chất lượng giáo dục	Trẻ đánh giá ở mức độ " Đạt"	382	98.7			80	81	113	108	
			Trẻ đánh giá ở mức độ " CCG"	5	2.3			0	2	2	1	
			Trẻ đánh giá ở mức độ " Chưa đạt"	0	0			0	0	0	0	
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		109	100	100%					109	
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ		0	0							
5	Số trẻ phổ cập GDTEMN5T			109	100	100%					109	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí năm học 2024- 2025 và ngân sách 06 tháng đầu năm 2025 chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)	0	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	0	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	0	

4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	0	
4.1.	Phục vụ ăn bán trú		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.1.2	Mức thu/ngày	27,000	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	932,058,000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	932,058,000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
4.1.6	Số chi trong năm	932,058,000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.1.7	Số dư cuối năm	0	
4.2.	Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non Ngày thứ 7, Chủ nhật		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.1.2	Mức thu/ngày	50,000	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	43,350,000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	43,350,000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	867,000	
4.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi công tác quản lý, dạy học, làm việc	42,483,000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.1.7	Số dư cuối năm	0	
4.3.	Hỗ trợ nấu ăn, phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.1.2	Mức thu/tháng	120,000	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	252,600,000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	252,600,000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	5,052,000	
4.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi công tác quản lý, dạy học, làm việc	247,548,000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.1.7	Số dư cuối năm		
4.4.	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.1.2	Mức thu/ngày	10,000	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	369,710,000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	369,710,000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	7,394,200	
4.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		

	- Chi công tác quản lý, dạy học, làm việc	362,315,800	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.1.7	Số dư cuối năm		
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
5.1	Học bổng trợ tiếng nước ngoài giáo viên nước ngoài		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
5.1.2	Mức thu		
5.1.3	Tổng số thu trong năm	28,615,125	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	28,615,125	
5.1.5	Số nộp vào ngân sách nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	572,302.5	
5.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....		
	- Chi cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, dạy học, làm việc	26,898,218	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
5.1.7	Số dư cuối năm		
			
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,.....(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	0	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Ngân sách nhà nước	7,928,883,447	
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	7,270,241,447	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	12,011,367	
	- Dự toán được giao trong năm	7,258,230,080	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	6,052,000,000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	1,206,230,080	
	+ Kinh phí giảm trong năm	3,120,643,829	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	7,258,230,080	
	- Kinh phí quyết toán	3,120,643,829	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	4,149,597,618	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	Dự toán được giao trong năm	658,642,000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	494,000,000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	164,642,000	
	+ Kinh phí giảm trong năm	314,608,000	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	658,642,000	
	- Kinh phí quyết toán	314,608,000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		

	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	344,034,000	
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính	0	
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí còn phải nộp	0	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến.

Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, và các bậc phụ huynh trong nhà trường.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 -2025. Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung. Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như MISA, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, quản lý trang web... Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo. Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của

trường, lớp, qua trang mạng xã hội.

Trên đây là báo cáo thường niên của Trường Mầm non Chiến Thắng năm học 2024-2025./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện An Lão (để b/c);
- Niêm yết tại bảng công khai và Website;
- Ban chỉ đạo trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Nguyệt